

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị T: Luật sư Hồ K, Văn phòng luật sư Bình Định, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định. Địa chỉ: tỉnh Bình Định. Có mặt

Người bị hại: Chi cục thuế thành phố Q.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người được ủy quyền: Ông Phạm Hồng P, ông Trần Thanh N. (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cục thuế tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ - Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Định.

Người được ủy quyền: Ông Đặng Văn N. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bà Lê Thị Hoài H; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Ông Đỗ Hồng L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt

5. Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1965. Nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt

6. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1954. Nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt

7. Phòng cán bộ nghiệp vụ dự toán pháp chế - Cục thuế tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn C. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị cáo có kháng cáo: Hồ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp T (Công ty T) do Lê Thị Kim Y làm giám đốc là người đại diện theo pháp luật, được thành lập ngày 12-7-2011 theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4101227942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp, ngành nghề kinh doanh: Mua bán sim, card điện thoại các loại; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Lê Thị Kim Y đứng tên giám đốc là trên

danh nghĩa, còn thực tế việc điều hành hoạt động của công ty đều do Nguyễn T V (chồng của Y) là người trực tiếp quản lý, chỉ phối việc hoạt động của công ty. Cho đến ngày 18-11-2014, Công ty T đăng ký thay đổi lần thứ 2 thì chuyển cho Nguyễn T V làm giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty.

Trong thời gian Lê Thị Kim Y làm giám đốc, việc kinh doanh mua bán hàng hóa Công ty T gặp khó khăn nên vào tháng 09/2013 Nguyễn T V lợi dụng chính sách hoàn thuế của Nhà nước nảy sinh ý định lập hồ sơ chứng từ không có thật để được hoàn thuế giá trị giá tăng (GTGT), lấy tiền của Nhà nước.

Để có cơ sở hoàn thuế thì công ty phải có doanh số mua hàng và hóa đơn GTGT, kê khai hoàn thuế, cho nên Nguyễn T V đã quay vòng lượng tiền mua hàng sim card điện thoại nhiều lần tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Viễn thông L do Lê Thị Hoài H điều hành. Theo lời khai của Nguyễn T V: Do có quan hệ mua bán sim card với Công ty L từ trước nên những lần mua bán trước đó với Công ty L thì V mua hàng trả tiền mặt trực tiếp không yêu cầu công ty xuất hóa đơn. Sau khi mua được hàng, tại nhiều thời điểm khác nhau, sau đó đưa hàng đi bán cho các khách hàng của V tại Đà Nẵng và các tỉnh lân cận, thu tiền hàng từ khách hàng quay lại tiếp tục mua hàng của Công ty L, rồi đưa hàng đi bán, thu tiền hàng của khách hàng rồi tiếp tục mua hàng của Công ty L. Cứ như thế có ngày V quay vòng mua bán từ 02 - 03 lần, nếu rơi vào dịp khuyến mãi thì việc mua bán sẽ quay vòng nhiều hơn. Ngoài ra, để nhanh bán được hàng có tiền quay vòng mua hàng, V đã bán cho khách hàng với giá thấp hơn giá đã mua của Công ty L. Đến khi xuất hóa đơn, V đề nghị Công ty L cộng gộp những lần đã mua hàng hóa trước đó để ghi xuất chung trong một hóa đơn cho Công ty T. Vì cho rằng Công ty T là khách hàng thường mua hàng hóa của Công ty L trong nhiều năm, nên theo yêu cầu của Nguyễn T V từ tháng 09/2013 đến tháng 11/2013, Công ty L đã xuất 38 hóa đơn GTGT ghi xuất bán hàng sim, card các loại cho Công ty T với tổng giá trị tiền hàng theo 38 hóa đơn GTGT là 301.348.890.914 đồng, cộng thuế GTGT*10% = 30.134.889.086 đồng, thành tiền 331.483.780.000 đồng, nhưng thực tế số hàng Công ty T chỉ thực mua lần cuối còn tồn kho có giá trị 55.994.715.890 đồng, cộng thuế GTGT 5.599.471.590 đồng, thành tiền 61.594.187.480 đồng, số hàng sim, car còn lại trị giá 245.354.175.018 đồng, có thuế GTGT 24.535.417,502 đồng, thành tiền 269.889.592.520 đồng, là không có hàng hóa tại thời điểm lập hồ sơ hoàn thuế. Nguyễn T V khai số hàng hóa có giá này đã mua của Công ty L trước đó và đã bán cho khách hàng tại nhiều thời điểm khác nhau, nên được cộng dồn và thể hiện trong 38 hóa đơn.

Theo quy định của Luật quản lý thuế đối với hóa đơn thanh toán từ 20,000.000 đồng trở lên phải thực hiện thanh toán qua tài khoản của hệ thống

ngân hàng. Để hợp thức hóa việc mua bán hàng hóa với Công ty L là có thật, nên Nguyễn T V đặt vấn đề với Công ty L thực hiện việc chuyển tiền qua hệ thống Ngân hàng với mục đích để báo cáo thuế theo quy định. Tin tưởng việc Nguyễn T V nói là có thật, vì vậy Công ty L giúp V thực hiện việc chuyển tiền qua ngân hàng quay vòng nhiều lần bằng hình thức như sau: Nguyễn T V nộp tiền mặt vào tài khoản của Công ty T, sau đó lập ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản của Công ty L với nội dung chuyển thanh toán tiền mua hàng. Khi Công ty L nhận được tiền từ tài khoản của Công ty T thì ngay sau đó lập thủ tục rút tiền mặt giao lại cho V rồi V dùng chính khoản tiền này nộp vào tài khoản Công ty T tiếp tục làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản của Công ty L để Công ty L rút tiền giao lại cho V, giao dịch này được thực hiện nhiều lần trong ngày.

Do đó, chỉ trong 10 ngày (từ ngày 29/10/2013, 30/10/2013, 31/10/2013, 04/11/2013, 05/11/2013, 08/11/2013, 11/11/2013, 12/11/2013, 13/11/2013 đến 24/12/2013) Nguyễn T V và Công ty L đã thực hiện việc chuyển tiền quay vòng cho nhau 57 lần với tổng số tiền giao dịch là 327.226.496.480 đồng, nhưng thực tế Nguyễn T V chỉ chuyển cho Công ty L số tiền 61.594.187.480 đồng là tiền thực đã mua hàng hóa. Còn lại số tiền 265.632.309.000 đồng, là số tiền không được chuyển nhằm hợp thức hóa chứng từ.

Đồng thời, để chứng minh việc Công ty T có nguồn vốn mua số hàng theo 38 hóa đơn nêu trên, Nguyễn T V tự lập khống giấy mượn tiền của nhiều người, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ, số CMND thể hiện 12 người có cho Công ty T mượn tiền để mua hàng kinh doanh với tổng số tiền 290.700.000.000 đồng.

Qua điều tra xác định: Có 05 cá nhân không có thực, không có hồ sơ khi tra cứu theo số CMND của Cơ quan Công an gồm: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Văn N, Dương Anh Đ, Võ Quý N; có 05 cá nhân đã ghi sai tên, chữ lót, sai địa chỉ cư trú so với số CMND gồm: Nguyễn Vũ Xuân T là Nguyễn Vũ Vinh T; Phan Văn C là Phan Thanh C; Nguyễn Xuân T ở P thành Nguyễn Văn M ở T; Lưu Xuân C thành Phạm Lưu C; Thái Hoàng S ở N - Q thành Nguyễn Văn h ở h). Lê Văn Đ, Nguyễn Vũ Vinh T, Phan Thanh C, Thái Hoàng S, Nguyễn Tấn T thì những người này đều xác nhận hoàn toàn không có cho Công ty T mượn tiền, không biết gì về các giấy xác nhận mượn tiền do V đã lập trên.

Trên cơ sở hợp thức hóa các hóa đơn, chứng từ về việc mua hàng sim card điện thoại; thanh toán tiền qua hệ thống ngân hàng; chứng minh nguồn vốn mua hàng; giá trị hàng tồn kho. Công ty T đã lập hồ sơ, thủ tục kê khai báo cáo thuế GTGT của tháng 9, 10 và 11/2013 trong tổng giá trị hàng hóa mua vào là 301.367.038.140 đồng, có số thuế GTGT là 30.136,703.814 đồng (gồm: Giá trị hàng sim card theo 38 hóa đơn GTGT trên là 301.348.890.914 đồng, thuế GTGT

30.134.889.086 đồng; giá trị hàng hóa khác 18.147.272 đồng, thuế GTGT 1,814.728 đồng). Cân đối với số tiền bán hàng sim card trong kỳ với số tiền 11.334.496.900 đồng, thuế GTGT 1.133.449.690 đồng thì số thuế GTGT đầu vào của Công ty T chưa được khấu trừ hết là 29.003.254.124 đồng (30.136.703.814đ - U33.449.690đ). Do đó, ngày 06/12/2013 Công ty T lập Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN, theo diện hoàn thuế trước kiểm tra sau gửi Chi cục thuế thành phố Q đề nghị được hoàn thuế GTGT số tiền 29.003.254.124 đồng.

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị hoàn thuế của Công ty T, ngày 17-12-2013, Chi cục thuế tp. Q có Tờ trình số 1897/TTr-CCT gửi Cục thuế tỉnh Bình Định xem xét quyết định hoàn thuế GTGT cho Công ty T theo quy định.

Ngày 24-12-2013, Cục thuế tỉnh Bình Định xét thấy đơn vị đề nghị hoàn thuế là Công ty T đăng ký vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với quy mô, doanh số kinh doanh so với số thuế đề nghị hoàn; là doanh nghiệp kinh doanh thương mại không có cơ sở vật chất như: Nhà máy, xưởng sản xuất, kho hàng, phương tiện vận tải, hệ thống cửa hàng... nên Cục thuế Bình Định đã ban hành Thông báo số 5552/TB-CT về việc chuyển hồ sơ hoàn thuế của Công ty T từ diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Cục thuế tỉnh, ngày 25-12-2014 Chi cục thuế TP.Q ban hành Quyết định số 1058/QĐ-CCT về việc thành lập Đoàn kiểm tra hồ sơ hoàn thuế gồm: Hồ Thị T - Cán bộ Chi cục thuế là Trưởng đoàn, Đỗ Hồng L - Cán bộ Chi cục thuế là thành viên, thực hiện việc kiểm tra hoàn thuế tại Công ty T trong thời gian từ ngày 26 đến ngày 28-12-2013.

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 01-7-2011 của Tổng cục thuế về việc ban hành Quy trình hoàn thuế trong đó quy định việc kiểm tra thuế đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau đối với đơn vị được kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo đúng quy định nêu tại Quy trình kiểm tra thuế của Tổng cục thuế. Đồng thời theo Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29-5-2008 của Tổng cục thuế về việc ban hành Quy trình kiểm tra thuế có quy định: *“Khi tiến hành kiểm tra, Đoàn kiểm tra được quyền kiểm tra tài sản, vật tư, hàng hoá, xem xét chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan trong phạm vi nội dung của Quyết định kiểm tra thuế”*. Ngoài ra, theo quy định tại **Điều 64 Thông tư số 156/2013/TT-BTC** ngày 06-11-2013 của Bộ Tài chính quy định công chức thuế khi thực hiện kiểm tra thuế có nhiệm vụ, quyền hạn: *“Lập biên bản xác nhận số liệu, Lập biên bản kiểm tra thuế; báo cáo kết quả kiểm tra với người đã ra quyết định kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của biên bản, báo cáo đó.”* Do đó, trong quá trình thực hiện kiểm tra thuế tại Công ty T, Đoàn kiểm tra thuế của

Chi cục thuế thành phố Q được quyền kiểm tra tài sản, vật tư, hàng hóa, chứng từ, sổ sách kế toán, các tài liệu liên quan nhằm bảo đảm cho việc hoàn thuế có căn cứ, bảo đảm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với các nội dung đã kiểm tra thuế.

Tuy nhiên, do quá tin tưởng hoạt động kinh doanh của Công ty T là đơn vị đã được hoàn thuế nhiều lần, nộp thuế đầy đủ, chưa có vi phạm pháp luật về thuế. Mặt khác, tại thời điểm kiểm tra hoàn thuế vào cuối năm 2013, theo yêu cầu phải bảo đảm đáp ứng kịp thời các chỉ tiêu kế hoạch mà ngành thuế đã đề ra. Hơn nữa, do chủ quan và nhận thức không đầy đủ các nội dung mà Cục thuế tỉnh Bình Định yêu cầu cần phải kiểm tra theo Thông báo số 5552/TB-CT ngày 24-12-2013 của Cục thuế Bình Định, cụ thể đó là: *“Chưa xác định được cụ thể việc giải trình của doanh nghiệp đúng và hợp lý (có chứng minh) về các khoản nguồn vốn, công nợ, hàng tồn kho (cụ thể: tính xác thực về các khoản huy động vốn, hàng tồn kho không phản ánh về mặt số lượng, các khoản huy động vốn, nợ người bán và hàng tồn kho không nêu có hạch toán vào sổ sách doanh nghiệp không...)”*, nên Đoàn kiểm tra mà trực tiếp là Hồ Thị T với trách nhiệm là Trưởng đoàn kiểm tra đã thiếu sót trong hoạt động kiểm tra, chỉ kiểm tra việc Công ty T có hạch toán vào sổ sách đối với các khoản huy động vốn, nợ người bán và hàng tồn kho đúng theo đề nghị của đơn vị được hoàn thuế mà không trực tiếp kiểm tra, xác minh số lượng hàng hóa thực tế còn tồn, không kiểm tra việc Công ty T huy động nguồn vốn lớn, mượn tiền kinh doanh mua hàng hóa của nhiều người thể hiện qua các Giấy xác nhận mượn tiền của Công ty T do Nguyễn T V lập và được Lê Thị Kim Y ký với danh nghĩa Giám đốc Công ty.

Đối với hàng hóa tồn kho của công ty, theo sổ sách còn tồn kho tại thời điểm kiểm tra có số lượng rất lớn gồm 10.521.559 cái sim card các loại có tổng giá trị là 267.520.845.066 đồng, nhưng Đoàn kiểm tra cũng không thực hiện việc kiểm đếm toàn bộ hàng tồn kho thực tế của công ty để xác định số hàng tồn kho này là có thật hay không? Trong khi tại thời điểm kiểm tra hàng tồn kho của Công ty T thực tế chỉ còn tồn với giá trị hàng hóa khoảng 22.166.670.042 đồng.

Sau khi kết thúc kiểm tra, ngày 30/12/2013 Đoàn kiểm tra lập Báo cáo kết quả kiểm tra xác định đến thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra chưa phát hiện những sai sót của đơn vị Công ty T được hoàn thuế. Trên cơ sở đó, Hồ Thị T với trách nhiệm là Trưởng đoàn kiểm tra, tiến hành lập Phiếu đề xuất hoàn thuế trình cho ông Nguyễn Thanh H - Đội trưởng Đội Kiểm tra thuế số 1, sau đó lập báo cáo trình ông Phạm Ngọc H - Chi cục trưởng Chi cục thuế tp. Q ký duyệt thống nhất xác nhận Công ty Tấn Phát Đạt đủ điều kiện hoàn thuế GTGT số tiền 29.003.254.124 đồng.

Ngày 31-12-2013, Chi cục trưởng Chi cục thuế tp. Q lập Tờ trình số 1998/TTr-CCT, kèm theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế gửi Cục thuế tỉnh Bình Định xem xét, quyết định việc hoàn thuế GTGT cho Công ty T. Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ hoàn thuế và đề nghị của Phòng Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán, ngày 25-01-2014 ông Nguyễn Trung T - Phó Cục thuế Bình Định ban hành Quyết định số 87/QĐ-CT về việc cho Công ty T được hoàn thuế với số tiền 29.003.254.124 đồng theo đề nghị. Ngày 25-4-2014, số tiền hoàn thuế được chuyển vào tài khoản của Công ty T tại Ngân hàng BIDV Bình Định. Từ tháng 12/2013 đến tháng 03/2014, số tiền hoàn thuế được Nguyễn T V rút ra khỏi tài khoản để sử dụng một phần nhằm nộp lại tiền nợ thuế đã được hoàn của Công ty Tân Phát Đạt với tổng số tiền 16.103.000.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định của Cơ quan thuế và sau khi được hoàn thuế, từ tháng 01/2014 đến tháng 05/2017, Công ty T vẫn tiếp tục thực hiện việc mua hàng hóa sim card điện thoại các loại, hàng hóa xe ô tô. Thực tế, Công ty chỉ nộp trước phần thuế GTGT cho Nhà nước và để xảy ra việc nợ thuế GTGT kéo dài. Do đó, ngày 10-3-2017 Chi cục thuế tp. Q đã ra Quyết định số 198/QĐ-CCT về áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng đối với Công ty T để yêu cầu công ty phải thực hiện nộp trả các khoản nợ thuế cho Nhà nước, nhưng công ty vẫn không thực hiện. Ngày 21-3-2018, Chi cục thuế tp. Q có Công văn số 530/CCT-QLN đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định thu hồi giấy chứng nhận ĐKKD của Công ty T. Ngày 03-7-2018, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định đã ra Thông báo số 65/TB-ĐKKD thông báo thu hồi giấy chứng nhận ĐKKD của công ty.

Ngày 30-7-2019, Cục thuế tỉnh Bình Định có Kết luận giám định tư pháp số 1324/KL-CT xác định Công ty T đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền thuế GTGT là 24.535.417.502 đồng. Đến nay, theo xác định của cơ quan thuế và tài liệu, chứng từ nộp thuế, đối chiếu các khoản nợ thuế của Công ty T đã nộp lại sau khi được hoàn thuế, số tiền thuế GTGT Công ty T còn chiếm đoạt là 11.328.193.535 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 30-12-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn T V, Lê Thị Kim Y, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-01-2020, bị cáo Hồ Thị T kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Thị T thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và nội dung kháng cáo bị cáo Hồ Thị T luôn kêu oan cho rằng bản thân bị cáo đã thực hiện đúng trách nhiệm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế theo Văn bản của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q ban hành và Đoàn kiểm tra do bị cáo phụ trách đã lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm tra được lãnh đạo đội và lãnh đạo Chi cục thuế xem xét và ký xác nhận nội dung kiểm tra là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Hồ Thị T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” khi không phát hiện Công ty T kê khai không số lượng sim, card điện thoại là hàng tồn. Bị cáo và luật sư bào chữa cho Hồ Thị T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xin hưởng án treo. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và bổ sung nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha già, các con còn nhỏ, có con bị bệnh thần kinh, chồng bệnh tật mới được chữa khỏi, bị cáo có nhiều thành tích lao động là tình tiết giảm nhẹ mới quy định điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của Hồ Thị T, sửa bản án hình sự sơ thẩm để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[2] Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra công khai và tại phiên tòa thể hiện: Xuất phát từ việc vợ chồng Lê Thị Kim Y và Nguyễn T V thành lập Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ tổng hợp T mua bán sim, card điện thoại, bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Từ tháng 9/2013 đến tháng 12/2013, lợi dụng chính sách hoàn thuế của Nhà nước, Nguyễn T V đã lập không hồ sơ, chứng từ mua hàng hóa sim, car điện thoại và chỉ đạo Lê Thị Kim Y kê khai còn hàng tồn kho trị giá 269.889.592.520 đồng nhằm hợp thức hóa hồ sơ, thủ tục để được hoàn thuế. Tại Kết luận giám định tư pháp số 1324/KL-CT đã xác định Công ty T đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền thuế GTGT là 24.535.417.502 đồng. Sau đó, Nguyễn T V nộp thuế được

13.207.223.967 đồng, còn lại chiếm đoạt 11.328.193.535 đồng. Bị cáo Hồ Thị T là Trưởng đoàn kiểm tra hoàn thuế nhưng không phân công cán bộ kiểm tra số hàng hóa thực tế còn tồn đến thời điểm kiểm tra; không làm hết trách nhiệm của mình được quy định tại Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29-5-2008 của Tổng Cục thuế về quy trình kiểm tra thuế và Quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 01-7-2011 của Tổng Cục thuế; không xác minh tính có căn cứ trong việc huy động tiền vốn mua hàng hóa với số tiền rất lớn của Công ty T. Do đó, không phát hiện được Công ty này lập khống hồ sơ nhằm trục lợi tiền hoàn thuế của Nhà nước. Hành vi đó của Hồ Thị T đã cấu thành tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 như cấp sơ thẩm đã kết án là đúng pháp luật và không oan.

[3] Hành vi của bị cáo Hồ Thị T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức và chế độ sở hữu về tài sản của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh kinh tế ở địa phương cần xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa chung. Xét về tình tiết tăng nặng thì bị cáo Hồ Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm nhẹ một phần cho bị cáo là đúng. Như phân tích ở phần [2], trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, bị cáo Hồ Thị T luôn kêu oan. Tuy nhiên, tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” thể hiện thật sự ăn năn, hối cải. Đồng thời, Hồ Thị T xuất trình Giấy xác nhận của Chi cục thuế thành phố Q về thành tích công tác của bị cáo năm 2014 (Quyết định 228/QĐ-CT ngày 11-02-2015), năm 2016 (Quyết định 206/QĐ-CT ngày 16-02-2017) và năm 2019 (Quyết định 78/QĐ-CT ngày 31-01-2020). Bị cáo Hồ Thị T không có tiền án, tiền sự; bị cáo là lao động chính trong gia đình; ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, công tác; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; có cha là ông Hồ Thiệu được Nhà nước tặng Huy chương Hạng nhất, kỷ niệm chương vì có công lao đóng góp vào thành tích xuất sắc và truyền thống vẻ vang của đơn vị trong kháng chiến chống thực dân Pháp cứu nước và được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng, hiện nay đã già yếu. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Hồ

Thị T, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xin hưởng án treo. Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hồ Thị T. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Bị cáo Hồ Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hồ Thị T. Sửa bản án sơ thẩm hình sự số 59/2020/HS-ST ngày 30-12-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Tuyên xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị T **03 (ba) năm tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hồ Thị T cho Ủy ban nhân dân phường H Cảng, thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo Hồ Thị T có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hồ Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136; Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 21, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22-7-2021./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định (02);
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường H Cẩng, thành phố Q, tỉnh Bình Định (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu